TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2026/QĐST-DS	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng A1- Chi nhánh Q.

Địa chỉ: Số G P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2026).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Trâm A, sinh năm 1986 (đã chết) và anh Lê Đình D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số C P, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A:

1. Anh Lê Đình D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số C P, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cháu Lê Quang M, sinh năm 2011; Địa chỉ: Số C P, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Quang M: Anh Lê Đình D.

3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1952 và bà Trương Thị M1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền trả nợ:

2.1. Anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A (Đã chết) phải trả cho Ngân hàng N số tiền vay theo hai Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 06/5/2026 tổng cộng là **1.359.733.428 đồng** ***(Một tỷ, ba***

trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng). Trong đó, tiền gốc là 1.250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 80.490.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 27.056.507 đồng, lãi chậm trả 2.186.921 đồng *(Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị T1 Anh trả tiền trong phạm vi khối di sản của chị Trâm A để lại).*

2.2. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A phải trả cho ngân hàng N số tiền vay theo Hợp đồng thẻ Lộc Việt là **108.345.804 đồng *(Một trăm linh tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tư đồng)***, trong đó tiền gốc là 96.918.179 đồng và tiền lãi là 11.427.625 đồng. *(Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của chị T1 Anh trả tiền trong phạm vi khối di sản của chị Trâm A để lại).*

Kể từ ngày 07/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Quảng Ngãi phát mãi tài sản bảo đảm mà anh Lê Đình D và chị Lê Thị Trâm A đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5110 -LCL-202200577 ngày 11/8/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp quyền sử dụng đất số 5110LCL202200577.01 ngày 23/8/2023 để để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 603, tờ bản đồ số 15 diện tích đất 327,3 m^2, trong đó đất ở tại đô thị 93m^2, đất trồng cây hàng năm khác 234,3 m^2; Địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đất số DH 899097, số vào sổ cấp GCN: CS05771 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 29/7/2022 mang tên bà Lê Thị Trâm A và ông Lê Đình D.

Ngân hàng N trả lại cho anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đất số BX 945322 do UBND thành phố K cấp ngày 10/12/2014; Số vào sổ cấp GCN: CH00900 mang tên ông A P và bà Y H1; thay đổi cơ sở pháp lý ngày 06/6/2022 và ngày 04/7/2022 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Trâm A và ông Lê Đình D khi đã trả đủ số tiền nợ cho Ngân hàng (Khoản vay giữ sổ đỏ theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn).

2.3. *Về chi phí đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ:* Anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 16.000.000 đồng. Anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A phải hoàn trả lại số tiền

16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng)* cho Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng vào ngày 20/3/2026.

2.4.*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Lê Đình D và Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A phải chịu 26.396.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Trâm A phải chịu án phí 2.708.645 đồng *(Hai triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng).*

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N 27.279.671 đồng *(Hai mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000594 ngày 09/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7;
- Phòng THA DS Khu vực 7;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường